

Số: 18/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 10 tháng 5 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân  
kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương  
phân cấp cấp huyện quản lý năm 2023 sang năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương phân cấp cấp huyện quản lý năm 2023 sang năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương phân cấp cấp huyện quản lý năm 2023 sang năm 2024 với số vốn 55.191.751.826 đồng.

Chi tiết danh mục công trình, dự án theo các biểu 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo.

Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương phân cấp cấp huyện quản lý năm 2023 được phép kéo dài đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với



Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 10 tháng 5 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC, KBNN tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện: Cồn Cỏ, Hải Lăng, Triệu Phong, Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Đakrông, Hướng Hóa;
- Lưu VT, KTNS.



**CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Đăng Quang**





Biểu số 01

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023 PHÂN CẤP  
HUYỆN QUẢN LÝ**

**KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Đồng**

TT	Địa phương	Kế hoạch 2023 kéo dài sang 2024	Ghi chú
1	Huyện đảo Cồn Cỏ	358.754.144	Chi tiết như biểu số 2
2	Huyện Hải Lăng	4.237.202.000	Chi tiết như biểu số 3
3	Huyện Vĩnh Linh	5.587.357.600	Chi tiết như biểu số 4
4	Huyện Gio Linh	1.145.357.000	Chi tiết như biểu số 5
5	Huyện Cam Lộ	855.313.000	Chi tiết như biểu số 6
6	Huyện Đakrông	8.122.262.088	Chi tiết như biểu số 7
7	Huyện Triệu Phong	738.065.000	Chi tiết như biểu số 8
8	Huyện Hướng Hóa	34.147.440.994	Chi tiết như biểu số 9
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.191.751.826</b>	





Huyện đảo Côn Cỏ

Biểu số 02

**DANH MỤC DỰ AN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
KẾ HOẠCH 2023 PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**

**KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Đồng**

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023 kéo dài sang năm 2024
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>358.754.144</b>
1	Công trình nhà truyền thống huyện đảo Côn Cỏ (giai đoạn 1)	341.010.000
2	Trụ sở cơ quan Dân chính Đảng huyện đảo Côn Cỏ, hạng mục: Hàng rào và sân vườn phía sau	17.744.144





Huyện Hải Lăng

Biểu số 03

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
KẾ HOẠCH 2023 PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**

**ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM**  
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Đồng**

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023 kéo dài sang năm 2024
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.237.202.000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>63.580.000</b>
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy	60.520.000
2	Sửa chữa Hội trường Huyện ủy	3.060.000
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>4.173.622.000</b>
1	Điểm thương mại và dịch vụ xã Hải Sơn	127.230.000
2	Đường ra vùng phát triển sản xuất, xã Hải Định	3.258.000
3	Cơ sở hạ tầng khu đô thị Trung tâm hành chính huyện	4.043.134.000





Huyện Vĩnh Linh

Biểu số 04

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
KẾ HOẠCH 2023 PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**

**KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**

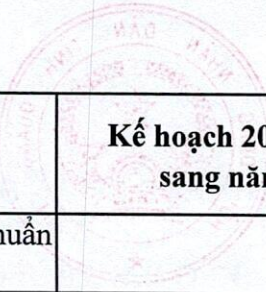
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Đồng**

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023 kéo dài sang năm 2024
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.587.357.600</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>192.219.000</b>
1	Trường MN Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh; HM: Tu sửa 01 phòng học và xây mới 01 phòng học bán 4	4.789.000
2	Nhà văn hóa thôn Mít xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh	28.347.000
3	Trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện Vĩnh Linh; HM: Tường rào, gara xe	47.053.000
4	Điện thấp sáng đường vào trung tâm UBND xã Vĩnh Chấp	11.290.000
5	Trường MN Vĩnh Long; HM: Nhà hiệu bộ - 5 phòng làm việc và 01 nhà vệ sinh chung	97.016.000
6	Cải tạo, sửa chữa, xây mới thao trường huấn luyện, sở chỉ huy diễn tập huyện Vĩnh Linh	3.724.000
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>5.250.899.600</b>
1	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy huyện Vĩnh Linh	19.347.000
2	Cầu Bắc Phú xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	85.431.000
3	Sửa chữa nhà văn hóa và làm mới sân bê tông tại 6 thôn, xã Vĩnh Ô	923.000
4	Trường Mầm non Vĩnh Khê, huyện Vĩnh Linh (Điểm trung tâm); Hạng mục: Tường rào, nhà vệ sinh, nhà xe giáo viên, nhà bảo vệ, sân khấu ngoài trời, nâng cấp sân chơi, cải tạo bếp ăn.	101.966.000
5	Trường Mầm non Vĩnh Khê, huyện Vĩnh Linh (Điểm Xung Phong); Hạng mục: Nhà vệ sinh, lát gạch sân chơi, cải tạo nâng cấp bếp ăn.	24.292.000
6	Trường tiểu học Kim Thạch (cơ sở 2); Hạng mục: Nhà 02 phòng học, 02 phòng chức năng	19.676.000
7	Nhà văn hoá thôn Hòa Bình, xã Vĩnh Hòa	143.023.400
8	Trường Tiểu học Kim Thạch (cơ sở 1); Hạng mục: Nhà 2 tầng 02 phòng học, 02 phòng chức năng	10.000.000
9	Mở rộng khuôn viên sân chơi cho trẻ và xây dựng tường rào trường mầm non Cửa Tùng	3.270.200
10	Xây dựng đường giao thông nội thị khu phố An Du Đông 1, thị trấn Cửa Tùng	3.082.800
11	Xây dựng đường giao thông nội thị khu phố An Du Đông 2, thị trấn Cửa Tùng	2.315.000
12	Xây dựng đường giao thông nội thị khu phố An Du Nam 2, thị trấn Cửa Tùng	3.240.600
13	Xây dựng đường giao thông nội thị khu phố Bắc Bàn, thị trấn Cửa Tùng	3.807.800
14	Xây dựng đường giao thông nội thị khu phố Cát, An Đức 1, thị trấn Cửa Tùng	764.000
15	Xây dựng mái che nhà văn hóa khu phố An Đức 1, thị trấn Cửa	1.679.600

*(Handwritten signature)*





TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023 kéo dài sang năm 2024
16	Thường công trình cho thôn Phúc Đức, xã Hiền Thành đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022	6.382.000
17	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư thôn Tân An, xã Hiền Thành, huyện Vĩnh Linh; HM: Cắm mốc phục vụ GPMB, đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ thu hồi đất, giao đất và cắm mốc phân lô	4.912.000
18	Nâng cấp đường liên thôn Hương Nam - thôn Xuân, xã Kim Thạch	19.551.000
19	Nâng cấp đường nội thôn trên địa bàn xã Kim Thạch	23.954.000
20	Nâng cấp đường từ thôn Bàu đến thôn Sơn Hạ xã Kim Thạch (đoạn thôn Hương Bắc - thôn Sẻ)	47.072.000
21	Nâng cấp lề đường đoạn trước công trường mầm non số 2 xã Kim Thạch	4.780.000
22	Nâng cấp, sửa chữa đường sản xuất, đập thủy lợi trên địa bàn xã Kim Thạch	109.147.000
23	Sửa chữa một số nhà văn hóa thôn trên địa bàn xã Kim Thạch	58.691.000
24	Sửa chữa, mở rộng một số nhà văn hóa trên địa bàn xã Kim Thạch (đợt 2)	80.850.000
25	Thường công trình cho thôn An Cỏ, Hương Bắc, Xóm Bọc, Sơn Thượng, Thủy Trung, thôn Bàu, xã Kim Thạch đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022	15.286.000
26	Trường tiểu học Kim Thạch (cơ sở 2); HM: Cải tạo, nâng cấp sân trường	21.340.000
27	Xây dựng đường từ thôn Bàu đi Khe Tráng xã Kim Thạch	1.000.000.000
28	Xây dựng đường từ thôn Thủy Nam đi Rồng Vàng xã Kim Thạch	750.000.000
29	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Roọc, xã Kim Thạch	43.849.000
30	Thường công trình cho thôn Nam Hùng, Huỳnh Công Đông, xã Trung Nam đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022	300.000.000
31	Đất Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải bàn giao lại cho địa phương quản lý theo Nghị quyết số 29 của HĐND tỉnh, HM: Cắm cọc GPMB và đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính. Địa điểm: Xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	15.921.000
32	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư thôn Lai Bình, xã Vĩnh Chấp (giai đoạn 1), huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	41.772.000
33	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư thôn Lai Bình, xã Vĩnh Chấp (giai đoạn 2), huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	41.772.000
34	Thường công trình cho thôn Chấp Bắc, Tân Định, Chấp Nam, xã Vĩnh Chấp đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022	7.454.000
35	Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Vĩnh Giang huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	32.970.000
36	Thường công trình cho thôn Tân An, Tân Trại 1, Cổ Mỹ, xã Vĩnh Giang đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022	7.529.000
37	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Thôn Rào Trường xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	41.772.000
38	Di tích địa điểm lưu niệm địa đạo đội 7 và đội 11, thôn Hòa Bình xã Vĩnh Hòa	30.489.000
39	Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	21.151.000

*Handwritten signature or mark.*



TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023 kéo dài sang năm 2024
40	Thưởng công trình cho thôn Đơn Duệ, Linh Đơn, xã Vĩnh Hòa đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022	30.396.000
41	Thưởng công trình cho thôn Tiên Mỹ 1, Tiên Lai, xã Vĩnh Lâm đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022	300.000.000
42	Đổ mặt bằng khuôn viên và mua sắm trang thiết bị Trường mầm non Vĩnh Sơn (cụm Phan Hiền)	193.620.000
43	Đường bê tông nội thôn Phan Hiền, xã Vĩnh Sơn	86.161.000
44	Khoan giếng và xây dựng bể lọc nước ở trường mầm non cụm Nam Sơn - Lê Xá và cụm Tiên An - Huỳnh Thượng, xã Vĩnh Sơn	17.465.000
45	Tư vấn định giá đất cụ thể để xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất tại điểm dân cư khu vực 1 thôn Tiên An, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh	1.474.000
46	Trường Tiểu học và THCS Vĩnh Sơn; hạng mục: Lát gạch nền nhà đa năng ngoài trời và xây dựng mới nhà vệ sinh	700.000.000
47	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư Trọt Đào, thôn Thái Lai, xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	2.610.200
48	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư nông thôn thôn Thái Lai	516.167.000
49	Thưởng công trình cho thôn Thủy Ba Đông, Thủy Ba Tây, xã Vĩnh Thủy đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022	42.966.000
50	Khu thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng xã Vĩnh Hòa	210.578.000
<b>III</b>	<b>Nguồn NS huyện khác (tăng thu ngân sách huyện, tỉnh bổ sung có mục tiêu)</b>	<b>144.239.000</b>
1	Đường liên xã từ thôn Hòa Bình xã Vĩnh Hòa đi xã Hiền Thành	47.627.000
2	Chợ huyện Vĩnh Linh; HM: Sửa chữa nâng cấp Chợ Do, chợ Cá Cửa Tùng, Chợ Hồ Xá 1	95.619.000
3	Trường tiểu học Kim Thạch (cơ sở 2); Hạng mục: Nhà 02 phòng học, 02 phòng chức năng	993.000





Huyện Gio Linh

Biểu số 05

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
KẾ HOẠCH 2023 PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**

**ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KÉO DÀI THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Đồng**

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023 kéo dài sang năm 2024
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.145.357.000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>9.506.000</b>
1	Sửa chữa Trụ sở UBND xã Linh Trường	2.388.000
2	Sửa chữa Sở chỉ huy diễn tập	7.118.000
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>1.135.851.000</b>
1	Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ cấp giấy CNQSD đất cho 22 hộ dân tại xã Linh Hải	79.620.000
2	Phát triển điểm dân cư xã Trung Sơn (giai đoạn 1)	17.885.000
3	Đường Phạm Văn Đồng, thị trấn Cửa Việt; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng (giai đoạn 3)	46.737.000
4	Nâng cấp đường kết hợp rãnh thoát nước từ nhà Ông Cần đến nhà Ông Hoà	8.988.000
5	Nâng cấp sân vận động thôn Lại An (giai đoạn 1)	13.372.000
6	Nâng cấp sân bóng thôn Cẩm Phô (giai đoạn 1)	13.552.000
7	Nâng cấp đường giao thông thôn Cẩm Phô (nội đồng)	12.325.000
8	Kênh tiêu thôn Lại An (Tuyến 1+ Tuyến 2 + Tuyến 3 + Tuyến 4)	16.669.000
9	Nâng cấp đường giao thông thôn Lại An (ngõ xóm tuyến 1 + tuyến 2 + tuyến 3)	12.155.000
10	Kênh tiêu thôn Lại An (đội 3)	11.172.000
11	Kênh tưới thôn Thủy Khê (nội đồng)	12.566.000
12	Nâng cấp đường giao thông thôn Lại An tuyến 1 (vùng đồng đội 3)	18.990.000
13	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông Cẩm Phô - Nhĩ Thượng (giai đoạn 3)	19.080.000
14	Hệ thống nước sạch 4 thôn Nhĩ Thượng, An Mỹ, Cẩm Phô, Thủy Khê xã Gio Mỹ (giai đoạn 2)	27.796.000
15	Kênh tưới đồng dưới + 05 cống thôn Lại An	19.934.000
16	Nâng cấp đường giao thông thôn Lại An (nội đồng tuyến 1)	17.246.000
17	Trường TH và THCS Gio Quang; Hạng mục: Phòng đa chức năng điểm trường Thôn Tân Kỳ (giai đoạn 2)	7.829.000
18	Trường Mầm Non Gio Sơn (cơ sở 2); Hạng mục: Lát gạch sân- Sửa chữa và mở rộng bếp ăn	3.420.000
19	Trường Mầm non Gio sơn; Hạng mục: Sửa chữa Nhà hiệu bộ và các phòng học.	2.280.000
20	BTH đường GTNĐ Đồng Bàn, xã Gio Sơn	2.589.000
21	Xây dựng đường hoa Trí Tiên- Đại Đồng Nhất, xã Gio Sơn	2.850.000
22	Xây dựng khuôn viên bia tưởng niệm tại xã Gio Hòa cũ (giai đoạn	855.000
23	Trường Tiểu học Gio Sơn (cơ sở 2): Hạng mục: Lát gạch sân - Nhà bếp	5.700.000
24	Trung tâm HTCD thôn Trí Tiên, xã Gio Sơn	8.550.000

*Đu*



TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023 kéo dài sang năm 2024
25	Trung tâm HTCĐ thôn Đại Đồng Nhất, xã Gio Sơn	358.382.000
26	BTH đường ra khu sản xuất Giếng truyện thôn Đại Đồng Nhất, xã Gio Sơn	5.700.000
27	Xây dựng đường hoa An Khê- Nam Tân, xã Gio Sơn	3.990.000
28	Xây dựng đường hoa Phú Ốc- Lạc Sơn, xã Gio Sơn	3.990.000
29	Xây dựng mới nhà Trung tâm HTCĐ thôn Hải Hòa	8.013.000
30	Xây dựng mới nhà Trung tâm HTCĐ thôn Trường Thọ	6.262.000
31	Nâng cấp hệ thống truyền thanh xã Phong Bình	2.825.000
32	Đo đạc bổ sung bản đồ địa chính, trích đo thửa đất, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính cho các hộ dân tại thôn Sông Ngân, xã Linh Trường, huyện Gio Linh	87.763.000
33	Đo đạc bổ sung bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5.000, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất Lâm Nghiệp; Cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính cho các hộ dân tại xã Linh Trường, huyện Gio Linh	274.372.000
34	Sửa chữa và mua sắm thiết bị đài truyền thanh huyện	2.394.000





Huyện Cam Lộ

Biểu số 06

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
KẾ HOẠCH 2023 PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**

**KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Đồng**

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023 kéo dài sang năm 2024
	<b>Nguồn vốn thu sử dụng đất phân cấp huyện quản lý</b>	<b>855.313.000</b>
1	Trung tâm thương mại dịch vụ Ngã Ba Cù, xã Cam Thành; Hạng mục: San nền	4.921.000
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 DA: Khu Thương mại Dịch vụ và dân cư phía Bắc Hối Sòng xã Thanh An	18.443.000
3	Quy hoạch chi tiết: Cụm Thương mại và Dịch vụ Bàu Cúc, xã Cam Thủy (tỷ lệ 1/500)	58.374.000
4	Quy hoạch chung xây dựng xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ đến năm 2035	14.049.000
5	Quy hoạch chung xây dựng xã Cam Chính, huyện Cam Lộ đến năm 2035	10.236.000
6	Trung tâm VH& HTCD thôn Mộc Đức, xã Cam Hiếu	337.818.000
7	Quy hoạch chi tiết 1/500: Khu dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao, cơ sở hạ tầng đào tạo nghề và điểm dân cư xã Cam Hiếu	7.072.000
8	Quy hoạch chi tiết 1/500 nghĩa trang nhân dân xã Cam Hiếu	4.400.000
9	Thao trường huấn luyện quân sự xã Thanh An (giai đoạn 1); Hạng mục: Xây dựng hàng rào bảo vệ, mương thoát nước và tuyến đường dẫn vào khu huấn luyện	400.000.000





Huyện Đakrông

Biểu số 07

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
KẾ HOẠCH 2023 PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**

**KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Đồng**

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023 kéo dài sang năm 2024
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.122.262.088</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>2.352.589.000</b>
1	Sân vận động huyện Đakrông (giai đoạn 1)	1.400.000.000
2	Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt huyện Đakrông	60.565.000
3	Di dời hạ tầng kỹ thuật để sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km39+600-Km42+00 (qua thị trấn Krông Klang) Quốc lộ 9, tỉnh Quảng Trị	892.024.000
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>5.769.673.088</b>
1	San tạo MB để đấu giá quyền sử dụng đất hai bên tuyến đường T4 thị trấn Krông Klang (giai đoạn 2)	4.145.673.088
2	Hồ sinh thái đập dâng Khe Ruôi thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông (giai đoạn 1)	1.174.000.000
3	Trạm y tế thị trấn Krông Klang; Hạng mục: San nền và làm sân	450.000.000





Huyện Triệu Phong

Biểu số 08

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
KẾ HOẠCH 2023 PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**

**KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**DVT: Đồng**

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023 kéo dài sang năm 2024
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>738.065.000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>445.153.000</b>
1	Nâng cấp đường ĐH.46C	445.153.000
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>292.912.000</b>
1	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Tr Phong năm 2019	181.489.000
2	Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, Thị trấn huyện Tr Phong năm 2020	72.831.000
3	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư xã Triệu Phước	38.592.000





Huyện Hương Hóa

Biểu số 09

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG  
KẾ HOẠCH 2023 PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**

**KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Đồng**

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023 kéo dài sang năm 2024
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.147.440.994</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn phân cấp theo tiêu chí</b>	<b>3.744.232.400</b>
1	Trường Mầm non Khe Sanh	210.000.000
2	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Liên	2.182.930.200
3	Sửa chữa trụ sở Công an huyện Hương Hoá; Hạng mục: Sửa chữa nhà 03 tầng	53.000.000
4	Sửa chữa, nâng cấp đường Lê Lai, thị trấn Lao Bảo	761.400
5	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hương Hóa	1.296.755.000
6	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Đinh Tiên Hoàng, thị trấn Khe Sanh (Đoạn từ điểm giao đường Bùi Dục Tài đến điểm giao đường Phan Chu Trinh)	785.800
<b>II</b>	<b>Nguồn thu sử dụng đất</b>	<b>251.300.600</b>
1	Sửa chữa, nâng cấp đường Lê Lai, thị trấn Lao Bảo	5.479.600
2	Sửa chữa trụ sở Công an huyện Hương Hoá; Hạng mục: Sửa chữa nhà 03 tầng	19.740.000
3	Sửa chữa nhà A và sân huyện ủy	142.417.000
4	Nâng cấp, cải tạo phòng họp, phòng làm việc nhà B cơ quan Huyện ủy Hương Hóa	30.474.000
5	Trụ sở làm việc xã Hương Phùng	53.190.000
<b>III</b>	<b>Nguồn bổ sung từ NS tỉnh từ nguồn vượt thu từ XDCB vãng lại của các dự án điện gió</b>	<b>5.274.551.600</b>
1	Trụ sở làm việc xã Hương Phùng	567.675.000
2	Trụ sở làm việc xã Ba Tầng	1.235.327.000
3	Trường Mầm non Khe Sanh	56.550.000
4	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hương Hóa	2.513.876.600
5	Khắc phục sửa chữa công trình tuyến đường trung tâm xã Hương	145.164.000
6	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Liên	755.959.000
<b>IV</b>	<b>Nguồn sự nghiệp giáo dục</b>	<b>16.082.415.360</b>
1	Trường TH&THCS Tân Hợp; Hạng mục: 08 phòng học và các hạng mục phụ trợ	247.140.000
2	Trường Tiểu học Tân Lập; Hạng mục: 04 phòng học tại bản Làng Vây	1.913.992.700
3	Trường Tiểu học Hương Phùng; Hạng mục: 04 phòng học tại điểm chính và 02 phòng học tại thôn Chênh Vênh	1.359.060.100
4	Trường Mầm non Thuận; Hạng mục: Nhà 02 tầng gồm 01 phòng đa chức năng, 01 phòng học và 01 phòng làm việc	1.493.197.000
5	Trường Mầm non Khe Sanh; Hạng mục: Các hạng mục phụ trợ	3.000.000.000



TT	Danh mục dự án	Kế hoạch 2023 kéo dài sang năm 2024
6	Trường THCS Thuận; Hạng mục: 04 phòng học	1.157.802.300
7	Trường Tiểu học Hướng Tân; Hạng mục: 08 phòng học	2.426.412.850
8	Trường Tiểu học số 2 Khe Sanh; Hạng mục: Xây mới nhà ăn bán trú, cải tạo sân chơi và xây dựng nhà để xe cho học sinh	20.898.000
9	Trường PTDT bán trú TH&THCS Hướng Lập; Hạng mục: Nhà học bộ môn và chức năng	223.321.310
10	Trường Tiểu học số 2 Lao Bảo; Hạng mục: Nhà đa năng	709.401.700
11	Trường THCS Khe Sanh; Hạng mục: Nhà đa năng	794.934.000
12	Trường Tiểu học và THCS A Dơi; Hạng mục: Nhà 02 tầng 06 phòng học điểm trường thôn Prin Thành	2.736.255.400
<b>V</b>	<b>Nguồn hỗ trợ GPMB dự án điện gió Phong Liệt</b>	<b>4.223.659.000</b>
1	Trường Tiểu học và THCS Hướng Linh - Điểm trường Miệt Cũ	1.965.000.000
2	Trường Mầm non Hướng Linh - Điểm trường Miệt Cũ	1.268.000.000
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Miệt Cũ	990.659.000
<b>VI</b>	<b>Nguồn khác (vốn XDCB ngân sách huyện phân bổ trong năm 2023)</b>	<b>4.571.282.034</b>
1	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Liên	2.324.959.000
2	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Long, huyện Hướng Hóa	19.625.000
5	Trụ sở làm việc xã Hướng Phùng	196.050.000
6	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	1.730.656.600
8	Trường Tiểu học số 1 Khe Sanh; Hạng mục: Nhà học 03 tầng, 06 phòng học	32.116.000
10	Trường Tiểu học và THCS Tân Thành; Hạng mục: Nhà đa năng	10.767.000
11	Via hè đường Lê Duẩn, thị trấn Khe Sanh	257.108.434

*B*